TÒA ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2026/HNGĐ-ST
Ngày 27/5/2026
V/v:"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DÂN1H
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải.

2. Bà Trịnh Thị Oanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Lường. Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk, tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trần Duy Quyền – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2026, tại Hội trường xét xử trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: số 14/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2026 về *việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2026/QĐXX-ST ngày 08/5/2026; Quyết định hoãn phiên toà số 25/2026/QĐST – TA, ngày 18 tháng 5 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thúy H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số 3xx Đỗ Xuân H, khu phố xx, phường Phước L, thành phố Hồ Chí Minh.(Vắng mặt – có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Duy Th, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn Phước A x, xã Krông P, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 12 năm 2025 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Trần Thúy H trình bày như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Tôi (H) và ông Trần Duy Th sau một thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau tự nguyện thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân (UBND) thị trấn Phước A x, huyện Krông

P (nay là UBND xã Krông P), tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận kết hôn số 80, ngày 21 tháng 05 năm 2015.

Sau khi kết hôn vợ chồng tôi chỉ sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, nên vợ chồng thường xuyên cải nhau, mâu thuẫn, chiến tranh lạnh, do vậy nhiều lần vợ chồng tôi sống ly thân nhau. Tuy nhiên, sau đó vì con cái nên hai vợ chồng về lại với nhau. Nhưng khi về lại với nhau tình trạng bất đồng giữa chúng tôi vẫn không cãi thiện hơn. Đến năm 2025 thì ông Th bỏ về Krông P sống và vợ chồng tôi sống ly thân nhau từ đó đến nay, không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Xét tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, nên tôi nộp đơn đến Toà án và có nguyện vọng xin được ly hôn ông Trần Duy Th.

+ Về con chung: Trong thời giai chung sống, vợ chồng tôi có 02 con chung là cháu Trần Vũ Quỳnh A1, sinh ngày 07/8/2017 và cháu Trần Vũ Quỳnh A, sinh ngày 01/04/2019. Sau khi vợ chồng ly thân cháu Quỳnh A1 và cháu Quỳnh A đang sống với tôi.

Tôi xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trần Vũ Quỳnh A1 và cháu Trần Vũ Quỳnh A cho đến khi các cháu trưởng thành.

Hiện tại tôi có công việc ổn định, thu nhập bình quA mỗi tháng khoảng 30.000.000đồng. Nên tôi đủ điều kiện nuôi con, song để ông Th có trách nhiệm của một người cha với con cái nên tôi đề nghị Tòa án buộc ông Th cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn ông Trần Duy Th sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho ông Th. Tuy nhiên, ông Th không đến Tòa án để lập bản tự khai, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải nên không ghi nhận được ý kiến của ông Th.

Quá trình giải quyết vụ án cháu Trần Vũ Quỳnh A1 và cháu Trần Vũ Quỳnh A đều có nguyện vọng xin được sống với mẹ là bà Trần Thúy H sau khi bố mẹ ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Sau khi thụ lý vụ án Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; Thành phần HĐXX tại phiên tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử: Quá trình giải quyết vụ án nguyên bà Trần Thúy H đã thực hiện đúng theo quy định tại điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn ông Trần Duy Th không tham gia phiên họp, phiên hòa giải là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thúy H có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông Trần Duy Th vắng mặt không có lý do, nên căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt bà H và ông Th.

+ Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản

1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA1 thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Đề nghị HĐXX tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thúy H:

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thúy H ly hôn ông Trần Duy Th.

+ Về con chung: Giao cháu Trần Vũ Quỳnh A1, sinh ngày 07/8/2017 và cháu Trần Vũ Quỳnh A, sinh ngày 01/04/2019 cho bà Trần Thúy H trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi hai cháu tròn 18 tuổi.

Ông Trần Duy Th được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Buộc ông Trần Duy Th cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng từ 2.340.000 đồng/tháng đến 4.680.000 đồng/tháng để nuôi cháu Trần Vũ Quỳnh A1 và cháu Trần Vũ Quỳnh A cho đến khi cháu A1 và cháu A đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thúy H không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không giải quyết.

+ Bà Trần Thuý H, ông Trần Duy Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

+ Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của bà Trần Thúy H đề ngày 09/12/2025, Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật đang tranh chấp là: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về thẩm quyền: Tại thời điểm bà Trần Thúy H khởi kiện bị đơn ông Trần Duy Th cư trú tại xã Krông P, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, căn cứ Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa lần thứ nhất bị đơn ông Trần Duy Th vắng mặt không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa và tiếp tục tống đạt Giấy triệu tập tham gia phiên tòa và Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Trần Duy Th. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay ông Th vẫn vắng mặt không có lý do, bà Trần Thúy H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX

xét xử vắng mặt bà H và ông Th.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thúy H và ông Trần Duy Th chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Phước A, huyện Krông P, (nay là UBND xã Krông P) tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận kết hôn số 80, ngày 21 tháng 05 năm 2015. Như vậy, hôn nhân của ông, bà là hợp pháp được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, sau khi kết hôn ông Th và bà H sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, nên thường xuyên cải nhau. Từ mâu thuẫn nhỏ ban đầu nhưng vợ chồng không dàn xếp được dẫn đến mâu thuẫn, chiến tranh lạnh, mâu thuẫn kéo dài không hàn gắn được. Đến giữa năm 2025 thì ông Th về Krông P sống, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay, không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng ông Th không đến Tòa án nên không tiến hành hòa giải được. Bà Trần Thúy H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Th. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương xã Krông P nơi ông Th đang cư trú thể hiện, sau khi kết hôn thì bà H và ông Th chỉ sinh sống tại địa phương một thời gian ngắn thì vợ chồng ông Th rời địa phương đi làm ăn. Tuy nhiên, từ năm 2024 đến nay chỉ có ông Th quay về địa phương sinh sống, còn vợ con ông Th thì không thấy về lại địa phương. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa bà H và ông Th không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Do vậy, HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình cho bà H ly hôn ông Trần Duy Th là phù hợp.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống bà Trần Thúy H và ông Trần Duy Th có hai người con chung là cháu Trần Vũ Quỳnh A1, sinh ngày 07/8/2017 và cháu Trần Vũ Quỳnh A, sinh ngày 01/04/2019.

Từ ngày bà H và ông Th ly thân nhau đến nay cháu A1 và cháu A đang sống với bà H. Quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thúy H có nguyện vọng xin nuôi cả cháu A1 và cháu A, bản thân cháu A1 và cháu A cũng có nguyện vọng xin được sống với bà H. Xét việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng khi bố mẹ ly hôn cần xem xét quyền lợi mọi mặt của các cháu.

Hiện tại cháu A1 và cháu A còn nhỏ, các cháu cần sự quan tâm chăm sóc ân cần của người mẹ, từ ngày ông Th, bà H ly thân đến nay hai cháu đang sống ổn định với bà H. Để tránh làm thay đổi môi trường sống, ảnh hưởng tâm lý của các cháu khi bố mẹ ly hôn. HĐXX cần giao cháu Trần Vũ Quỳnh A1, sinh ngày 07/8/2017 và cháu Trần Vũ Quỳnh A, sinh ngày 01/04/2019 cho bà Trần Thúy H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi hai cháu tròn 18 tuổi là phù hợp.

[3.3] Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Trong đơn khởi kiện bà Trần Thuý H yêu cầu ông Th cấp dưỡng mỗi tháng 6.000.000đồng để nuôi cháu A1 và cháu A. Quá trình giải quyết vụ án bà H yêu cầu ông Th cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật. HĐXX xét thấy hiện tại cháu A1 và cháu A chưa

thành niên, chưa có khả năng tự lập. Do vậy, bà H yêu cầu ông Th cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp. Khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên trong trường hợp không sống chung với con*". Do đó cần buộc ông Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu A1 và cháu A là phù hợp. Về mức cấp dưỡng: Theo quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: "*Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết*", đồng thời căn cứ theo quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: "*Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thoả thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con*". Bà H không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh thu nhập bình quân mỗi tháng của ông Th là bao nhiêu. Mặt khác quá trình giải quyết vụ án bà H yêu cầu ông Th cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật. Biết rằng, tại thời điểm xét xử thì tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng là ông Th đang cư trú (xã Krông P thuộc vùng IV) là 3.700.000 đồng. Vì vậy, ông Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu A1 và cháu A mỗi tháng là 1.850.000đồng/tháng/cháu (tương đương 1/2 mức lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú) x 02 cháu = 3.700.000 đồng. Tuy nhiên, xét nhu cầu thực tế của cháu A1 và A, mức cấp dưỡng 1.850.000đồng/tháng/cháu không đảm bảo nhu cầu thiết yếu của các cháu. Do vậy, HĐXX buộc ông Trần Duy Th có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu A1 và cháu A 2.000.000đ/cháu/tháng cho đến khi cháu A1 và cháu A đủ 18 tuổi là phù hợp.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thuý H không yêu cầu Toà án giải quyết. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Th cũng không có văn bản trình bày là ông và bà H có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bà Trần Thúy H phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông Trần Duy Th phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk tại phiên tòa là tương đối phù hợp nên HĐXX cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA1 thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thúy H.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thúy H ly hôn ông Trần Duy Th.

- Về con chung: Giao cháu Trần Vũ Quỳnh A1, sinh ngày 07/8/2017 và cháu Trần Vũ Quỳnh A, sinh ngày 01/04/2019 cho bà Trần Thúy H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi hai cháu tròn 18 tuổi.

" Ông Trần Duy Th được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản. Tuy nhiên, ông Th không được việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung"

- Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Buộc ông Trần Duy Th phải cấp dưỡng 2.000.000đ/cháu/tháng để nuôi dưỡng cháu Trần Vũ Quỳnh A1, sinh ngày 07/8/2017 và cháu Trần Vũ Quỳnh A, sinh ngày 01/04/2019 cho đến khi cháu A1 và cháu A tròn 18 tuổi.

- Thời gian và phương thức cấp dưỡng: Cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

"Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải bàu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015".

- Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thuý H, ông Trần Duy Th không yêu cầu nên không giải quyết.

2/ Về án phí:

Buộc bà Trần Thuý H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 0000063 ngày 06 tháng 01 năm 2026.

Buộc ông Trần Duy Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí của người có cấp dưỡng.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *TA tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND khu vực – Đắk Lắk;*
- *Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;*
- *Phòng THADS KV xx – Đắk Lắk;*
- *UBND xã Krông P;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: HS +VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hiền